

Bản án số: 198/2024/DS-PT
Ngày 15 – 02 – 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

- Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.
- Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2023/TLPT-DS, ngày 31/10/2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Yên N, sinh ngày 07/11/1991.

Địa chỉ: Số F, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Chị Hồ Huỳnh Tố H, sinh năm 1982. Địa chỉ liên hệ: Công ty L; Số 45H, L, Khóm G, Phường A, Tp ., tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh ngày 12/10/1991.

Địa chỉ: Số A, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 20/10/1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Trương Yến N.

- *Kháng nghị* của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Hồ Huỳnh Tố H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trương Yến N trình bày: Trước đây, do chị N và anh T có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau nên thời gian từ ngày 21/12/2018 đến ngày 07/8/2019, chị N có cho anh T vay rất nhiều lần với tổng số tiền là 1.049.600.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho anh T. Khi cho vay số tiền trên thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận khi nào chị N cần sẽ thông báo cho anh T biết trước một thời gian hợp lý để anh T thanh toán số nợ trên lại cho chị N. Anh T đã trả cho chị N số tiền 352.711.600 đồng. Anh T còn nợ chị N số tiền là 696.888.400 đồng nhưng vì cần tiền nhanh chóng để kinh doanh nên vào ngày 18/3/2020 tại Công an thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chị N chỉ yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 500.000.000 đồng, số tiền còn lại chị N không yêu cầu giải quyết. Nhưng anh T vẫn không thực hiện theo những gì hai bên đã thỏa thuận tại Công an thị trấn P, nên chị N khởi kiện anh T yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận trước đây. Tuy nhiên, tại Tòa án anh T xác định anh thiếu chị N số tiền 500.000.000 đồng nhưng đã trả được cho chị N số tiền 352.711.600 đồng nên Tòa án hai cấp của tỉnh Bạc Liêu buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 147.288.400 đồng và lãi chậm trả theo quy định. Như vậy, chị N cho anh T vay tổng số tiền 1.049.600.000 đồng đến nay anh T đã trả cho chị N số tiền 352.711.600 đồng và sau khi Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có hiệu lực, anh T tiếp tục trả cho chị N số tiền là 147.288.400 đồng, hiện tại anh T còn nợ chị N số tiền 549.600.000 đồng. Nay chị N yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả tổng số tiền 729.668.600 đồng. Trong đó, số tiền gốc 548.711.600 đồng và tiền lãi là 180.957.000 đồng (tạm tính đến ngày 01/12/2022) và lãi chậm trả đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án.

Ngày 01/6/2023, chị Trương Yến N có yêu cầu khởi kiện bổ sung nếu trong trường hợp anh T không có thiện chí trả cho chị số tiền nợ trên thì chị yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị với anh T ký kết ngày 13/8/2019. Ngày 19/9/2023, chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

Theo bị đơn anh Nguyễn Trí T trình bày: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, anh có giao dịch mượn tiền rất nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản qua lại với chị N. Cho đến khi hai bên phát sinh tranh chấp với nhau thì vào ngày 18/3/2020 tại cơ quan Công an thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu giữa anh và chị N đã thống nhất đồng ý thực tế anh đã nhận số tiền nợ mà Như chuyển khoản cho anh qua Ngân hàng với tổng số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

và anh cũng đã chuyển khoản để trả cho chị N được số tiền 352.711.600 đồng nên Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Bạc Liêu đã xét xử giải quyết buộc anh phải trả cho chị N số tiền 147.288.400 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định. Nay anh xác định anh không còn thiếu chị N bất cứ khoản tiền nào nữa cả nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đối với anh về số tiền 729.668.600 đồng. Trong đó, số tiền gốc 548.711.600 đồng và tiền lãi là 180.957.000 đồng (tạm tính đến ngày 01/12/2022) và lãi chậm trả đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án.

Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 59,8m² tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để đảm bảo cho khoản vay của anh đối với chị N thì anh xác định là không có việc này nên anh không đồng ý.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc S trình bày: Bà xác định phần đất có diện tích 59,8m² tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do hộ bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại bà cùng với gia đình đang quản lý, sử dụng trên phần đất này nên không có việc thành viên nào trong gia đình của bà lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp cho cá nhân hay tổ chức nào cả nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Về khoản nợ của anh T đối với chị N đã được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Bạc Liêu xem xét giải quyết xong nên hiện tại anh T không còn thiếu bất cứ khoản tiền nào đối với chị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N1: Tòa án không tiến hành làm việc được với ông N1 nên ông N1 không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 và Quyết định số 24/2023/QĐ-SCBSBA ngày 13/10/2023 sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Yến N đối với anh Nguyễn Trí T về việc yêu cầu anh T trả tổng số tiền vay còn thiếu là 819.357.000 đồng. Trong đó, số tiền gốc 549.600.000 đồng và tiền lãi là 269.757.704 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trương Yến N đối với anh Nguyễn Trí T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị với anh T vào ngày 13/8/2019.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Trương Yến N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là 36.580.731 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.0000.000 đồng ngày 07 tháng 02 năm 2023 theo biên lai thu số 0005667 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Buộc chị N phải nộp tiếp số tiền 18.580.731 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

4. H1 lại cho chị Trương Yến N số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012716 ngày 01/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn chị Trương Yến N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu do Tòa án nhân dân huyện Phước Long sửa chữa, bổ sung bản án không thuộc trường hợp được sửa chữa, bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Trương Yến N rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị N với anh T ký kết ngày 13/8/2019. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên kháng nghị.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của chị Trương Yến N về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đối với số tiền lãi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, 278, 279, 280, 281 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Thành N1, bà Nguyễn Ngọc S có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị N yêu cầu anh T trả số tiền 729.668.600 đồng. Trong đó, số tiền gốc 548.711.600 đồng và tiền lãi là 180.957.000 đồng (tạm tính đến ngày 01/12/2022) và lãi chậm trả đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án. Trong trường hợp anh T không có thiện chí trả cho chị số tiền nợ trên thì chị yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị với anh T ký kết ngày 13/8/2019.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Trương Yến N:

[3.1] Chị N yêu cầu anh T trả số tiền gốc 549.600.000 đồng và tiền lãi là 180.957.000 đồng (tạm tính đến ngày 01/12/2022) và lãi chậm trả đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trương Yến N cung cấp lịch sử chuyển khoản từ năm 2018 đến năm 2019. Tuy nhiên, toàn bộ các chứng cứ và yêu cầu trả nợ này đã được giải quyết theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2022/DSST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long và Bản án dân sự phúc thẩm số: 138/2022/DSST ngày 01/12/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Hiện các bản án này đang có hiệu lực pháp luật, chị N không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh anh T còn nợ số tiền trên, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị N.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N rút kháng cáo đối với yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị với anh T ký kết ngày 13/8/2019. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này, theo quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát: Sau khi ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 23/9/2023, đến ngày 13/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Phước Long ban hành Quyết định số 24/2023/QĐ-SCBSBA sửa chữa bổ sung bản án này với nội dung đính chính lại số tiền lãi đã tính và số án phí nguyên đơn phải chịu (điều chỉnh giảm). Viện kiểm sát cho rằng sai sót này thuộc về nội dung vụ án, ảnh hưởng quyền lợi đương sự, không được sửa chữa, bổ sung và vi phạm thủ tục tố tụng khi ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Hội đồng xét xử nhận thấy, cấp sơ thẩm do nhầm lẫn về số liệu dẫn đến tính toán sai số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu và án phí nguyên đơn phải chịu, Tòa án cấp sơ thẩm cũng phát hiện và kịp thời ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án về nội dung này. Tuy cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng khi ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án, nhưng không ảnh hưởng quyền lợi của đương sự (sửa chữa, bổ sung giảm nghĩa vụ), theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cho nên, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

[5] Qua xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2022/DSST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long (bút lục 80-89), Bản án dân sự phúc thẩm số: 138/2022/DSPT ngày 01/12/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (bút lục 90-94), Hội đồng xét xử nhận thấy: Trên thực tế từ năm 2018 đến năm 2019 chị N có cho anh T vay nhiều lần với tổng số tiền 1.049.600.000 đồng, cũng trong năm 2019 anh T đã trả cho chị N nhiều lần với tổng số tiền 352.711.600 đồng. Đến ngày 18/3/2020, tại cơ quan Công an thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chị N và anh T đã thống nhất nợ và anh T có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 500.000.000 đồng (bút lục 111). Trong giai đoạn sơ thẩm, chị N cũng trình bày: Anh T còn nợ chị số tiền 696.000.000 đồng, nhưng chị thống nhất và yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng. Lời trình bày của chị N hoàn toàn phù hợp với chứng cứ chị N cung cấp là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 (bút lục 164), Biên bản thỏa thuận tại Công an thị trấn P ngày 18/3/2020 (bút lục 111). Từ ngày 18/3/2020 đến ngày 01/12/2022 (bản tuyên án của Bản án phúc thẩm số 138 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu), anh T không có trả thêm cho chị N bất kỳ khoản tiền nào. Song, tại Bản án số 70 và Bản án số 138 của Tòa án 02 cấp tỉnh Bạc Liêu tại tiếp tục lấy số tiền anh T đã trả trong năm 2019 căn trừ vào số tiền nợ theo biên bản thỏa thuận năm 2020 là không đúng. Trong vụ án này, cấp phúc thẩm không khắc phục được sai sót này, nên căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời kiến nghị cấp giám đốc thẩm xem xét lại các Bản án trên cho đúng quy định pháp luật.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự:

[7.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Yến N không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên chị N phải chịu 36.580.731 đồng, khấu trừ 18.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005667 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chị N còn phải nộp tiếp 18.580.731 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trương Yến N không được chấp nhận kháng cáo, nên chị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006265 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 143, 147, Điều 227, Điều 272, Điều 273, Điều 276, 278, 279, 280, 281, Điều 285, khoản 2 Điều 296, điểm b khoản 1 Điều 298, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Trương Yến N đối với yêu cầu tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của chị Trương Yến N về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị N với anh T ký kết vào ngày 13/8/2019.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm Số 81/2023/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Yến N đối với anh Nguyễn Trí T về việc yêu cầu anh T trả tổng số tiền vay còn thiếu là 819.357.704 đồng (T1 trăm mười chín triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng). Trong đó, số tiền gốc 549.600.000 đồng và tiền lãi là 269.757.704 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trương Yến N đối với anh Nguyễn Trí T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị N với anh T vào ngày 13/8/2019.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Yến N phải chịu 36.580.731 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm ba mươi một đồng), khấu trừ 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005667 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chị N còn phải nộp tiếp 18.580.731 đồng (Mười tám triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm ba mươi một đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

H1 lại cho chị Trương Yến N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012716 ngày 01/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Yến N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006265 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, được chuyển thu án phí.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Phan Công Trí